

The logo consists of the letters 'SSI' in a stylized, white, outlined font, set against a solid red square background.

Công ty TNHH
Quản lý quỹ SSI - SSIAM

Không ngừng
thay đổi

Báo cáo thường niên

2021

01.

VỀ SSIAM

Thông tin khái quát	14
Dịch vụ cung cấp	15
Chặng đường phát triển	16
Giải thưởng tiêu biểu	19

02.

Kết quả hoạt động của SSIAM năm 2021

Môi trường kinh doanh 2021	22
Tình hình hoạt động của SSIAM năm 2021	24
Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	33
Đánh giá của ban giám đốc về kết quả hoạt động năm 2021	34

03.

Mục tiêu và kế hoạch kinh doanh năm 2022

Kế hoạch hoạt động năm 2022	38
-----------------------------	----

05.

Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán	49
-----------------------------	----

04.

Quản trị doanh nghiệp

Mô hình quản trị công ty	42
Con người SSIAM	44
Quản trị rủi ro	45

Mục Lục

Về chúng tôi

Thành lập năm 2007, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) là công ty TNHH một thành viên thuộc 100% sở hữu của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán SSI, một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm đầu tư chuyên biệt cho từng khách hàng tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

Đến cuối năm 2021, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 12.959 tỷ đồng.

Hiệu quả đầu tư vượt trội trong chiến lược dài hạn chính là sự khác biệt của SSIAM, đạt được nhờ sự kết hợp hài hòa của ba yếu tố: chiến lược đầu tư, đội ngũ phân tích, và hệ thống quản trị rủi ro.

Tổng tài sản quản lý 2021

12.959 tỷ đồng

(~ 571.49 triệu USD)

Triết lý đầu tư

Đầu tư giá trị dựa trên các yếu tố cơ bản của doanh nghiệp với lợi thế cạnh tranh bền vững và định giá hợp lý, hướng tới tăng trưởng tài sản trong dài hạn và tỷ suất lợi nhuận cao hơn thị trường.



Điểm nhấn năm 2021

Tổng tài sản quản lý của SSIAM trong năm 2021 đạt

12.959 nghìn tỷ đồng

Tổng tài sản quản lý tăng so với năm 2020

↑ 94,3%

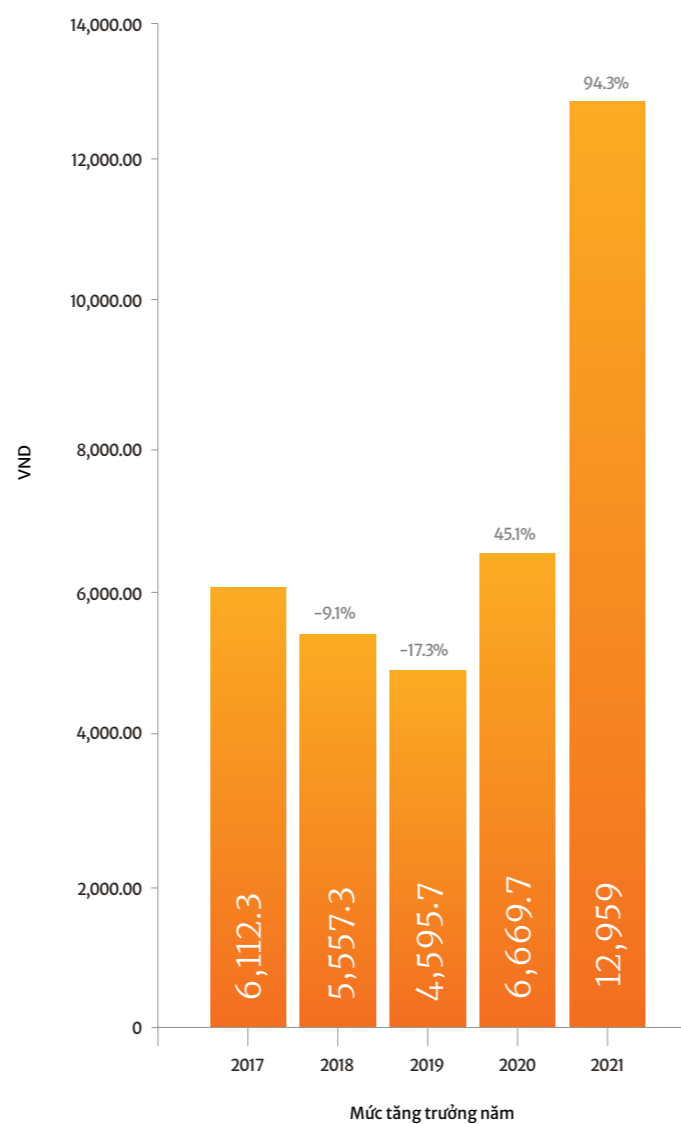
Thành lập quỹ mở

Đầu tư Tăng trưởng Dài hạn Việt Nam (VLGF)

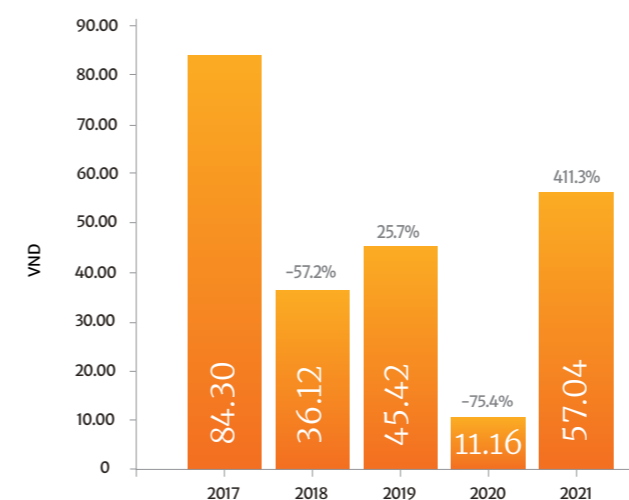
Tiếp tục là

Đối tác được lựa chọn của các công ty bảo hiểm trong sản phẩm quỹ liên kết đơn vị.

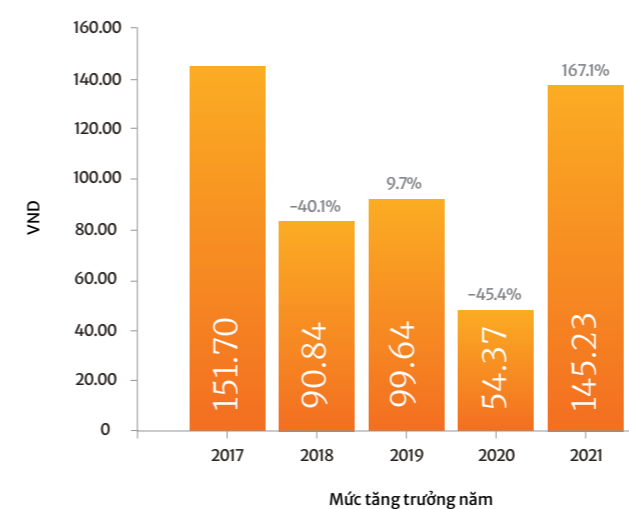
Tổng tài sản quản lý



Lợi nhuận sau thuế



Doanh thu



“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2021

– Tạp chí The Asset

“Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021

– Tạp chí The Asset

“Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2021

– Tạp chí Alpha Southeast Asia

“Nhà quản lý quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

– Tạp chí Alpha Southeast Asia

Chúng tôi tin rằng, sự quan tâm ngày càng lớn của người dân đến hoạch định tài chính lâu dài là một dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng thị trường vốn hoạt động hiệu quả.



Phát biểu của Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 19/04/2022

Kính thưa Quý Nhà Đầu tư,

Năm 2021 đánh dấu một năm nhiều khó khăn và thách thức với nền kinh tế Việt Nam. Làn sóng Covid-19 đã có những tác động hiện hữu hơn đến nền kinh tế khi nhiều tỉnh thành đã phải áp dụng các biện pháp giãn cách trong suốt giai đoạn Quý 3 và những tháng cuối năm 2021. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính Phủ, dịch bệnh đã nhanh chóng được khống chế, cùng với tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin ở mức cao đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp duy trì và từng bước thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh quay trở lại trạng thái bình thường mới, đầu tư công tiếp tục được triển khai. Tăng trưởng GDP năm 2021 đạt 2,58% - một con số ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn trở ngại từ dịch bệnh.

Trong bối cảnh dịch bệnh, thị trường chứng khoán vẫn ghi nhận nhiều diễn biến tích cực khi chỉ số VN-Index chính thức khép lại năm 2021 với mốc 1.498,28 điểm, tăng gần 395 điểm (+36%) so với đầu năm. Đặc biệt, chỉ số VN-Index cũng đã có những giai đoạn vượt qua ngưỡng tâm lý 1.500 điểm, và xác lập đỉnh cao lịch sử mới. Thị trường cũng đã liên tục ghi nhận những kỷ lục mới về thanh khoản, khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 21.593 tỷ đồng và 737,29 triệu cổ phiếu, tương ứng tăng 247,27% về giá trị và 120,43% về khối lượng bình quân so với năm 2020. Sự tăng trưởng vượt bậc về thanh khoản được đóng góp đáng kể từ dòng tiền của các nhà đầu tư "FO" trong bối cảnh lãi suất ngân hàng đang ở mức thấp. Tính riêng năm 2021, nhà đầu tư trong nước đã mở mới 1,53 triệu tài khoản chứng khoán, tương ứng tăng trên 56% so với năm 2020, vượt trội so với tổng số tài khoản chứng khoán mở mới trong 4 năm từ 2017 đến 2020 cộng lại. Số tài khoản của nhà đầu tư trong nước đã vượt 4,2 triệu tài khoản, tương ứng khoảng 4,3% dân số. Năm 2021 cũng đánh dấu sự thay đổi về khung chính sách điều hành khi Luật Chứng Khoán sửa đổi có hiệu lực, cùng với các Thông tư 98/2020/TT-BTC và 99/2020/TT-BTC đã góp phần định hình ngành quản lý quỹ một cách rõ nét hơn.

Chúng tôi tin rằng, sự quan tâm ngày càng lớn của người dân đến hoạch định tài chính lâu dài là một dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng thị trường vốn hoạt động hiệu quả. Cả năm 2021, các doanh nghiệp niêm yết đã đăng ký chào bán cổ phiếu với giá trị đạt hơn 177 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2020. Kênh huy động vốn qua trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 964 đợt phát hành trong nước với tổng giá trị phát hành đạt 594.520 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong một thị trường sôi động, nhiều quỹ đầu tư mới đã được triển khai, trong đó SSIAM nổi bật khi thực hiện chào bán thành công quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam (VLGF) ngay trong năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế

71 tỷ đồng

Tăng trưởng

453%

So với cùng kỳ năm trước

Với một năm đầy biến động, tập thể SSIAM đã nắm bắt được cơ hội thị trường, biến những rủi ro trở thành cơ hội, và đạt được mức tăng trưởng tài sản quản lý (AUM) lớn nhất từ trước đến nay với tổng AUM cuối năm là 12.959 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với năm 2020, vượt kế hoạch 2,35%. Đóng góp đáng kể nhất về tăng trưởng tài sản là quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, là quỹ đầu tư ngành đầu tiên tại Việt Nam và được thị trường đón nhận một cách tích cực khi giá trị tài sản quản lý của quỹ đạt được mức tăng trưởng 215% trong năm 2021. Bên cạnh đó, quỹ trái phiếu SSIBF tiếp tục được các nhà đầu tư cá nhân tin tưởng lựa chọn như một kênh đầu tư thay thế tiền gửi truyền thống, đạt mức tăng trưởng tài sản khoảng 129%. Các dịch vụ quản lý tài sản cho cá nhân và tổ chức cũng đã nhận được sự quan tâm đặc biệt lớn từ khách hàng, với mức tăng trưởng tài sản lần lượt đạt 537% và 71% so với đầu năm. Chúng tôi cũng tiếp tục là công ty quản lý quỹ được nhiều đối tác bảo hiểm tin tưởng lựa chọn đồng hành trong việc xây dựng và quản lý các sản phẩm ILP (quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư), với những thành tựu đó, năm 2021 là năm thứ 2 liên tiếp SSIAM được tạp chí Alpha South East Asia vinh danh là **“Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân”**.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô, SSIAM vẫn luôn hướng tới hiệu quả kinh doanh vượt trội; doanh thu cả năm 2021 đạt trên 145 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 71 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt tăng 161% và 453% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc tương tác với khách hàng, cũng

như với các cơ quan quản lý, SSIAM vẫn triển khai thành công quỹ mới trong năm 2021, quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam (VLGF Chỉ trong thời gian IPO ngắn ngủi, quỹ VLGF đã huy động được gần 150 tỷ đồng từ trên 500 nhà đầu tư, và đã đi vào hoạt động ngay trong tháng 12/2021.

Ngoài những con số về mặt kinh doanh, không thể không kể tới những thay đổi lớn của SSIAM về quản trị/nâng cao trải nghiệm khách hàng, khi chúng tôi đã liên tiếp triển khai các hệ thống kế toán và quản trị quỹ và hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mới trong năm 2021. Các hệ thống này đều được đầu tư với mục tiêu giúp tăng cường hiệu quả quản lý thông tin cho nhà đầu tư, đồng thời giúp tăng chất lượng dịch vụ, giúp cho nhà đầu tư/đối tác ngày càng thuận lợi hơn khi giao dịch với SSIAM.

Năm 2022 được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến mới khi cả nước bước vào giai đoạn phát triển hậu Covid, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trở lại từ nền thấp của năm 2021 với nhiều yếu tố mới: (i) tỷ lệ tiêm chủng ngày càng được cải thiện; (ii) các chính sách, gói kích thích kinh tế đang được Chính phủ nghiên cứu đưa ra; (iii) đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh; (iv) sự hồi phục đến từ khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và sự cải thiện của cầu tiêu dùng nội địa, vốn đầu tư và xuất khẩu, làn sóng dịch chuyển FDI mạnh mẽ từ Trung Quốc; (v) tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, rủi ro trên thị trường cũng gia tăng từ áp lực lạm phát đang ngày càng hiện hữu, những biến động lớn từ yếu tố địa chính trị trên thế giới. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của nhà

với những thành tựu đó, năm 2021 là năm thứ 2 liên tiếp SSIAM được tạp chí Alpha South East Asia vinh danh là “Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân”.



Năm 2022 được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến mới

đầu tư cũng như thích ứng với những thay đổi của thị trường, chính sách. Theo đó, chúng tôi có một số hoạch định cụ thể cho năm 2021 như sau: Tập trung đẩy mạnh quy mô các sản phẩm hiện tại và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; Bên cạnh việc tăng trưởng quy mô trên các sản phẩm hiện có, dự kiến SSIAM sẽ chính thức giới thiệu Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện nhằm hoàn thiện dải sản phẩm của mình, cũng như đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, người lao động trên thị trường;

Mở rộng mạng lưới đối tác phân phối mới: Ngoài kênh phân phối chính và truyền thống từ các công ty chứng khoán trong nước và ngoài nước, SSIAM sẽ tiếp tục tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác Fintech trên nền tảng trực tuyến online, đồng thời tìm kiếm đối tác tại các thị trường/quốc gia mới nhằm tận dụng được đà tăng trưởng tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam trong mắt nhà đầu tư quốc tế.

Tôi tin rằng, với các kế hoạch hành động cụ

thể nêu trên, chúng tôi vẫn luôn cố gắng nỗ lực để được là đối tác đáng tin cậy nhất của khách hàng, các đối tác và các cộng sự trên con đường phát triển của SSIAM.

Thay mặt SSIAM, một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn quý khách hàng, các đối tác và các nhà đầu tư đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong một năm nhiều biến cố đặc biệt vừa qua, và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ từ tất cả quý vị.

Xin chân thành cảm ơn.

Tổng Giám Đốc

Lê Thị Lệ Hằng



Thông tin khái quát

Dịch vụ cung cấp

Chặng đường phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

01

VỀ SSIAM

Thông tin khái quát

TÊN GIAO DỊCH	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
TÊN TIẾNG ANH	SSI Asset Management Co., Ltd.
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP	19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 03/08/2007, Giấy Phép Điều Chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27/07/2011, Giấy Phép Điều Chỉnh số 38/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/12/2013, Giấy Phép Điều Chỉnh số 99/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 5/11/2021.
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐIỆN THOẠI	(+84) 24 39366321 FAX: (+84) 24 39366337
WEBSITE	https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam
EMAIL	ssiam@ssi.com.vn

Dịch vụ cung cấp

Sản phẩm và dịch vụ của SSIAM được nghiên cứu và phát triển phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng khác nhau, bao gồm: khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, những sản phẩm hiện tại và sắp ra mắt của SSIAM:

Quản lý
quỹ đầu tư

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
(ETF)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU

QUỸ ĐẦU TƯ VÀO
BẤT ĐỘNG SẢN

QUỸ ĐẦU TƯ VỐN CỔ PHẦN TƯ
NHÂN (PRIVATE EQUITY)

QUỸ HỮU TRÍ TỰ NGUYỆN
(ĐANG TRIỂN KHAI)

Quản lý
danh mục đầu tư

QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU
TƯ TOÀN BỘ

QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU
TƯ CHỈ ĐỊNH

Tư vấn đầu tư

TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC

TƯ VẤN PHÂN BỐ TÀI SẢN

Chặng đường phát triển

Năm
2007

Tháng 8/2007: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI thành lập.

Huy động thành công Quỹ Tầm Nhìn SSI (SSIVF), quỹ đầu tư nội địa có quy mô vốn lớn nhất với 1.700 tỷ đồng tại ngày đóng quỹ, tương đương 100 triệu USD, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết.

Năm
2009

Huy động thành công Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam DSCAP-SSIAM, đồng quản lý với Daiwa Corporate Investment Co., Ltd (tiền thân là Daiwa SMBC Capital Co., Ltd), quy mô 30 triệu USD vào thời điểm đóng quỹ, đầu tư vào các công ty tư nhân ở Việt Nam.

Năm
2010

Huy động thành công Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF), Quỹ đầu tư nội địa đầu tiên và duy nhất được cấp phép đầu tư ra nước ngoài, quy mô 20 triệu USD vào thời điểm đóng quỹ.

Năm
2014

Huy động thành công Quỹ Đầu tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA, quỹ đầu tư dạng mở) với vốn điều lệ 111,9 tỷ đồng, và Quỹ ETF SSIAM HNX30 (Quỹ hoán đổi danh mục) với vốn điều lệ 101 tỷ đồng.

Năm
2015

Huy động thành công Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM II với quy mô huy động giai đoạn 1 là 32 triệu USD.

Huy động thành công Quỹ Andbanc Investments SIF - Vietnam Value and Income Portfolio với quy mô 13,9 triệu USD tính đến tháng 12/2015.

Thanh toán Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam DSCAP-SSIAM với tỷ lệ hoàn vốn nội bộ trước phí (gross IRR) 38%, vượt tỷ suất lợi nhuận tham chiếu (hurdle rate) là 10%.

Năm
2016

Huy động thành công Quỹ SSIAM UCITS - Vietnam Value Income and Growth Fund với quy mô 15,1 triệu USD tính đến tháng 12/2016.

Chính thức kết thúc giai đoạn huy động vốn cho Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Việt Nam Daiwa-SSIAM II với tổng vốn cam kết là 39,4 triệu USD.

Năm
2017

Huy động thành công Quỹ Đầu tư Trái Phiếu SSI (SSIBF) vào tháng 8/2017 với vốn điều lệ 68 tỷ đồng.

Hoàn thành chuyển đổi chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF SSIAM HNX30 sang chỉ số VNX50, đổi tên quỹ thành Quỹ ETF SSIAM VNX50 và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM với mã FUESSV50 từ tháng 10/2017.

Năm
2019

Trở thành công ty quản lý quỹ được lựa chọn của những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu thế giới đang gia nhập vào thị trường Việt Nam.

Năm
2020

Thành lập và huy động thành công Quỹ hoán đổi danh mục SSIAM VNFIN LEAD ETF vào tháng 02/2020.

Thành lập và huy động thành công Quỹ hoán đổi danh mục SSIAM VN30 ETF vào tháng 06/2020.

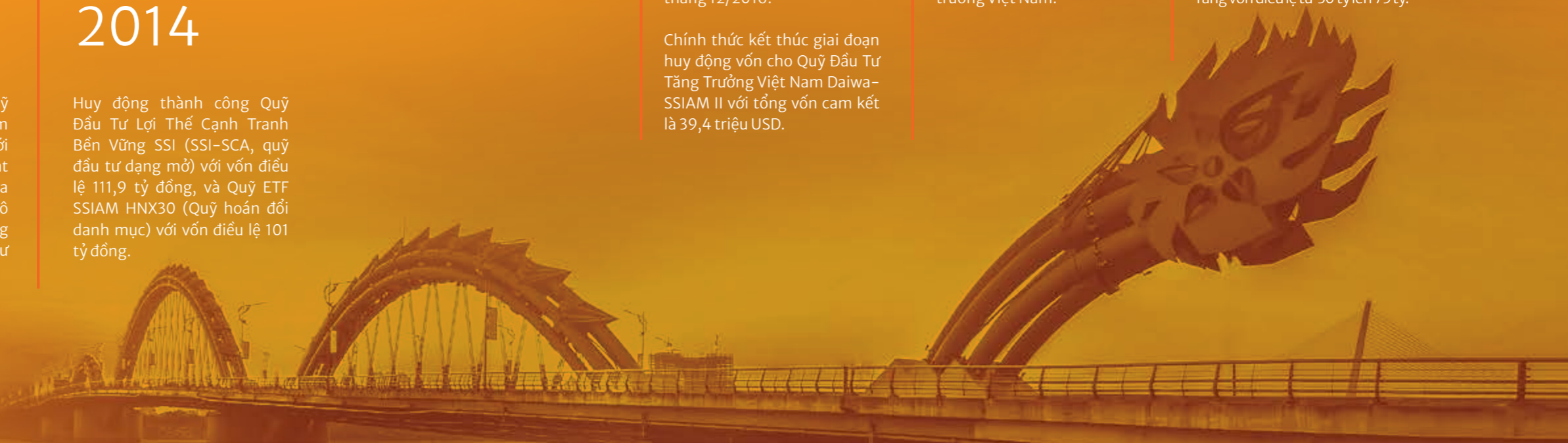
Thành lập Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VGIF) vào tháng 10/2020.

Thành lập Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM III vào tháng 11/2020.

Năm
2021

Thành lập Quỹ đầu tư tăng trưởng dài hạn Việt Nam (VLGF) vào tháng 12/2021.

Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 75 tỷ.





Các giải thưởng tiêu biểu

Asia Asset Management
The Journal of Investments & Pensions

- “Công Ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám Đốc của Năm” 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020
- “Giám Đốc Đầu Tư của Năm” 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” năm 2020



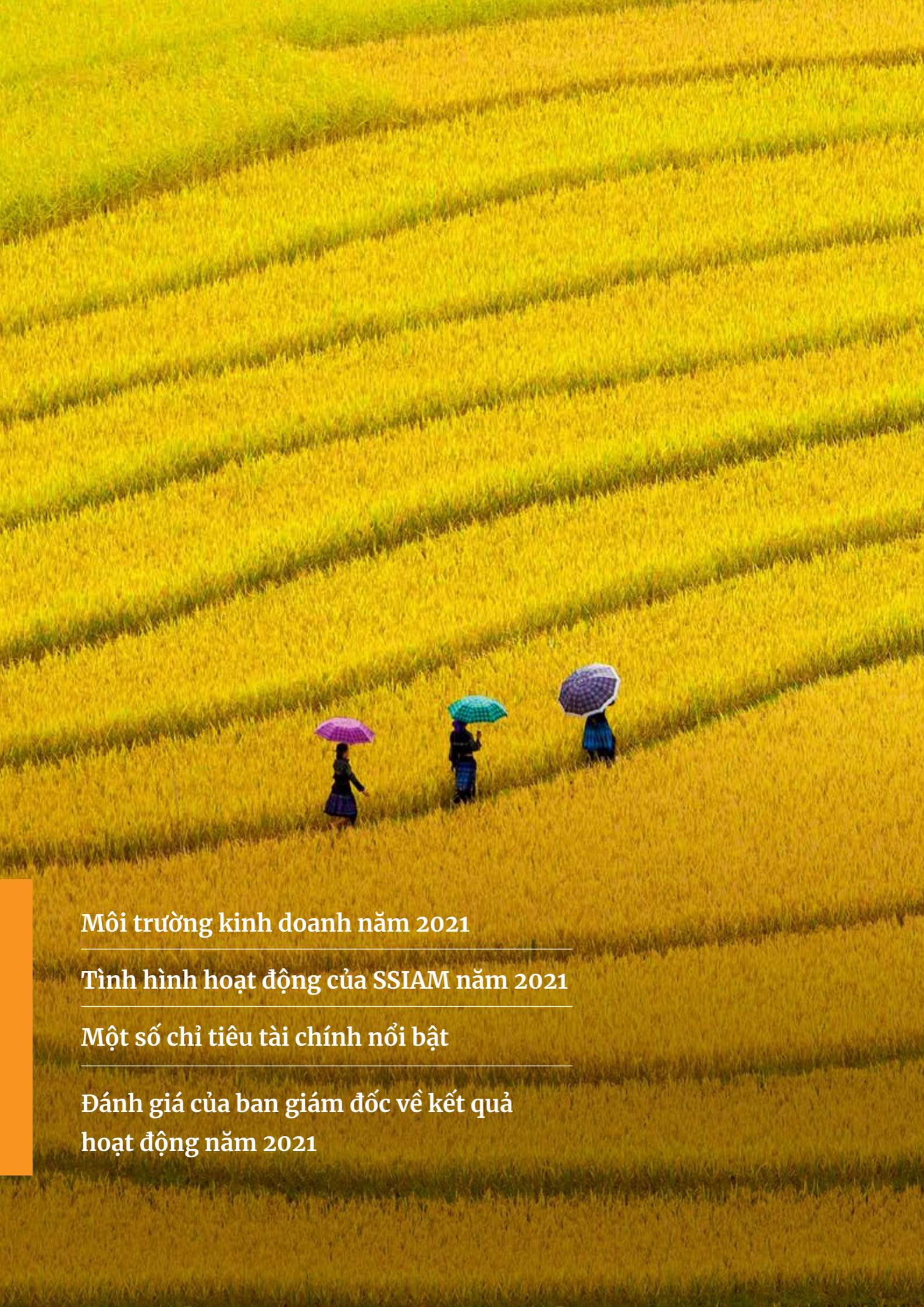
- “Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” 2012, 2014, 2021
- Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021

AsianInvestor

- “Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” 2012, 2014, 2021
- “Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021



- “Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021
- “Công ty quản lý quỹ tốt nhất VN cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2020, 2021
- “Nhà quản lý quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021



Môi trường kinh doanh năm 2021

Tình hình hoạt động của SSIAM năm 2021

Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

Đánh giá của ban giám đốc về kết quả hoạt động năm 2021

02

Kết quả hoạt động của SSIAM năm 2021

Môi trường kinh doanh 2021

Tổng quan

Năm 2021 chỉ số VN-Index kết thúc năm với mức tăng trưởng ấn tượng 35,7% , và thanh khoản cũng bùng nổ ở mức kỷ lục. Chỉ số VN-Index đóng cửa vào ngày 31 tháng 12 ở mức 1.498,28, ngay dưới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500. Từ góc độ phân bổ theo ngành, Tài chính (+ 42%), Bất động sản (+ 34%), Công nghiệp (+ 59%) và Vật liệu (+ 52%) dẫn đầu chỉ số trong năm 2021. Thanh khoản chủ yếu được thúc đẩy bởi các tài khoản giao dịch chứng khoán mới đăng ký. Tháng 12 là một tháng kỷ lục với 226.000 tài khoản mở mới. Tổng số tài khoản mở mới trong năm 2021 đạt kỷ lục 1,5 triệu (cao gấp 2 lần so với

3 năm trước cộng lại), nâng tổng tài khoản giao dịch chứng khoán trên thị trường lên 4,3 triệu với tốc độ tăng trưởng hơn 50% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức độ thâm nhập thị trường vốn vẫn chỉ chiếm khoảng 4% trong số hơn 100 triệu dân số – mặc dù tốc độ tăng trưởng theo cấp số nhân gần đây, chúng tôi tin rằng xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2022 và xa hơn nữa để hỗ trợ cho sự tăng trưởng của thị trường vốn và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc phân bổ vốn hiệu quả vào các ngành với năng suất cao nhất của nền kinh tế.

Tài chính

42%

Công nghiệp

59%

Bất động sản

34%

Vật liệu

52%

Hoạt động quỹ mở

Các quỹ mở nội địa năm 2021 tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng về cả quy mô tài sản lẫn số lượng nhà đầu tư tham gia. Tổng giá trị tài sản ròng các quỹ mở đạt 43,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 25,7% so với năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, tất cả các loại hình quỹ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu đều nhận được dòng tiền đầu tư mới. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy xu hướng rút tiền khỏi các quỹ trái phiếu trở nên rõ rệt trong giai đoạn từ tháng 4 tới tháng 10/2021 trong khi các quỹ đầu tư cổ phiếu duy trì lượng tiền đầu tư mới ổn định. Việc nhà đầu tư rút tiền khỏi các quỹ trái phiếu để đầu tư vào các quỹ cổ phiếu phần lớn diễn ra trong quý 3 và tháng 10/2021.

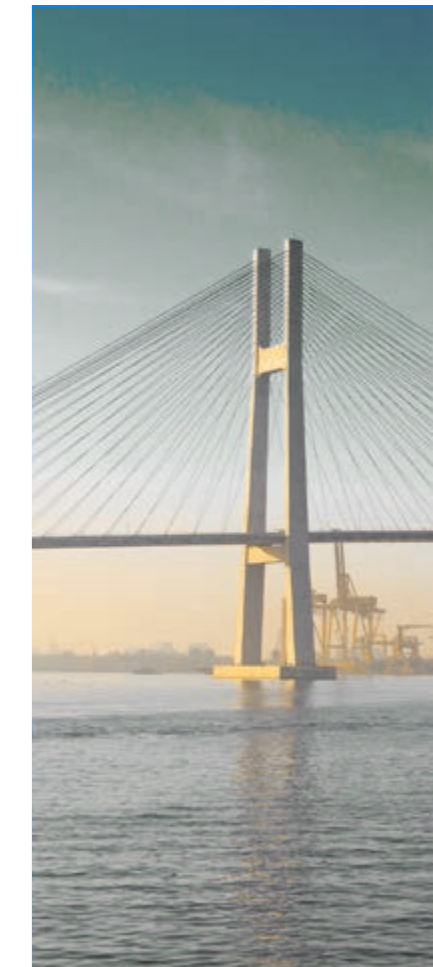
Theo thống kê của UBCKNN, tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt trên 149% GDP, với hơn 80% giá trị giao dịch trên thị trường thuộc về các nhà đầu tư cá nhân. Với thực tế như vậy, không gian phát triển ngành quỹ vẫn còn rất rộng và còn rất nhiều việc phải làm để góp sức thay đổi cách chọn lựa phân bổ tài sản đầu tư của đại đa số nhà đầu tư hiện nay. Trong năm qua, nhóm khách hàng có nguồn tiền nhàn rỗi ở các ngân hàng thương mại vẫn tiếp tục chuyển dịch từ tài khoản tiết kiệm sang đầu tư quỹ mở trái phiếu rất nhiều. Tiềm năng nhóm khách hàng này vẫn rất lớn khi tổng tiền gửi của dân cư tại hệ thống ngân hàng đạt vẫn 63% GDP. Chúng tôi tiếp tục nhìn thấy đây là nhóm khách hàng sẽ thúc đẩy sự phát triển của các quỹ mở ở Việt Nam.

Hoạt động quỹ ETF

Trong năm 2021, tổng số quỹ ETF lên 9 quỹ với tổng giá trị tài sản ròng lên đến 29,5 nghìn tỷ đồng. Số lượng các quỹ ETF mới được thành lập tăng đáng kể trong nửa sau năm 2021 với tổng số 4 quỹ ETF được thành lập mới trong 2021 và sẽ tiếp tục có các quỹ mới được thành lập trong 2022. Các quỹ ETF có tốc độ tăng tổng tài sản ròng cao nhất trong giai đoạn 10 tháng, tăng 97,3% (từ mức 14,46 nghìn tỷ đồng lên mức 28,53 nghìn tỷ đồng) theo dữ liệu của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam.

Trong năm qua, thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng mạnh, và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia vào thị trường. Khách đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục tham gia vào thị trường Việt Nam thông qua các quỹ ETF trong thời gian qua, điều này sẽ dần dần thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư trong nước đến sản phẩm ETF nhiều hơn, giúp gia tăng sự nhận diện về công cụ đầu tư ETF trên thị trường, đồng thời cũng tăng thêm tính cạnh tranh cho các công ty quản lý quỹ Việt Nam.

SSIAM vẫn sẽ luôn tiếp tục đóng góp trong xu hướng đầu tư trên thị trường thông qua các quỹ ETF với mục tiêu đem lại sự lựa chọn đa dạng trong đầu tư cho các khách hàng.



43,3

nghìn tỷ đồng
tổng giá trị tài sản
quỹ mở

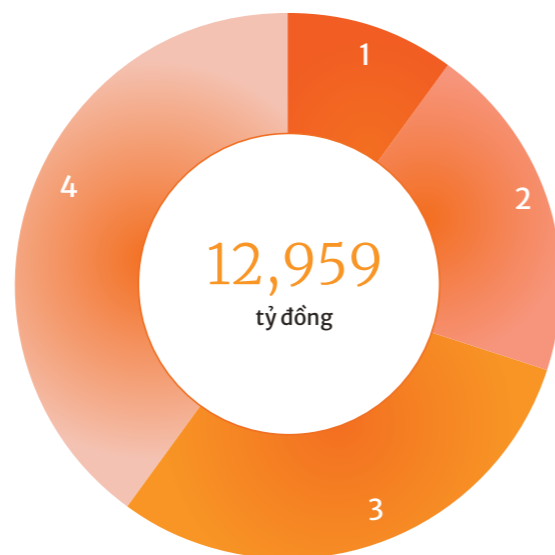
29,5

nghìn tỷ đồng tổng
giá trị quỹ ETF

Tình hình hoạt động của SSIAM 2021

Trong năm 2021, SSIAM tiếp tục cung cấp 3 mảng dịch vụ chính cho các nhà đầu tư là dịch vụ quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng tổ chức, và quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng cá nhân. Tổng tài sản quản lý chia theo các dịch vụ cung cấp như sau:

1	Tư vấn đầu tư	0.32%
2	Quản lý tài sản cá nhân	9.38%
3	Quản lý tài sản danh mục đầu tư tổ chức	18.76%
4	Quản lý Quỹ đầu tư	71.54%



Dữ liệu tại ngày 31/12/2021

Dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư

Hết năm 2021, SSIAM quản lý hơn 9.000 tỷ đồng tài sản tính riêng mảng dịch vụ quản lý các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, tăng 83% so với năm 2020. Trong 18 tháng đầu tiên của đại dịch trước khi triển khai vắc-xin, các chính sách không Covid được thực thi bằng cách đóng cửa biên giới một cách nhanh chóng và truy tìm nguồn lây nhiễm đã giữ cho nền kinh tế trong nước nguyên vẹn, thúc đẩy GDP tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm 2019, 2020 và nửa đầu năm 2021. Khoảng thời gian Việt Nam thực sự bị ảnh hưởng nặng nề duy nhất là vào Quý 3 năm

2021, khi Việt Nam không có đủ nguồn cung cấp vắc xin và có nhiều ca bệnh ở các trung tâm kinh tế phía Nam. Tuy nhiên, chiến dịch tiêm chủng cấp tốc đạt 1 triệu liều / ngày trong Q3 và Q4 năm 2021 đã giảm bớt áp lực lên hệ thống y tế công và cho phép nền kinh tế mở cửa dần bắt đầu từ tháng 10 năm 2021 với sự chuyển đổi chính sách một cách chiến thuật sang sống chung cùng Covid. Vì vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi và tăng mạnh trong năm 2021.

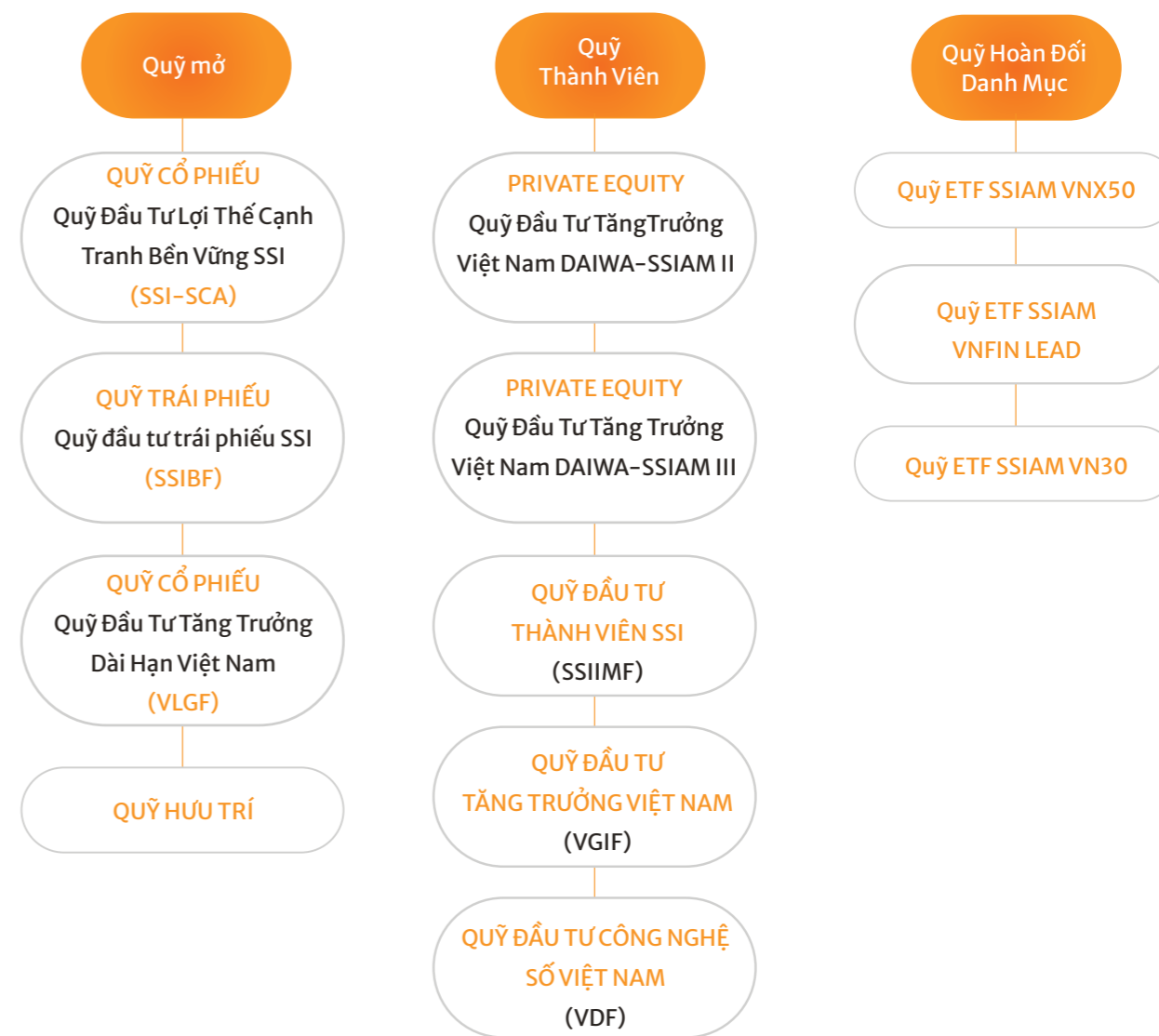
SSIAM huy động thành công một quỹ mở

mới, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Dài hạn Việt Nam (Vietnam Long term Growth Fund – VLGF). Quỹ VLGF đầu tư vào các cổ phiếu chất lượng cao, đầu ngành và được hưởng lợi nhiều nhất từ đà tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 10 năm tới. Đến tháng 11 năm 2021, quỹ VLGF đã thành công phát hành ra công chúng lần đầu (IPO) với tổng tài sản quản lý đạt gần 150 tỷ đồng và hơn 500 nhà đầu tư chỉ trong 3 tuần.

Trong năm 2021, SSIAM tiếp tục đa dạng hóa và đẩy mạnh quy mô các quỹ mở và ETF hiện tại. Tài sản ròng của quỹ đầu tư trái phiếu SSIBF tăng 91,9% so với năm 2020 qua việc cấu trúc sản phẩm phù hợp với nhu cầu ngắn hạn của nhà đầu tư và mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác

ngân hàng. Quỹ hoán đổi danh mục SSIAM VNFIN LEAD, quỹ đầu tư ngành đầu tiên tại Việt Nam, có mức tăng trưởng ấn tượng 214,7% so với quy mô vào cuối năm 2020, đạt 3.468 tỷ đồng, với hiệu suất đầu tư lên đến 61,3%. Trong thời gian qua, sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân mới được gọi thông dụng hiện nay là “nhà đầu tư F0” là một dấu mốc lớn của thị trường chứng khoán. Tổng số tài khoản chứng chỉ quỹ mở mới năm 2021 ước tính đạt hơn 269.000, cao hơn lũy kế toàn bộ các năm trước đó. Tại SSIAM, số lượng tài khoản mở mới vượt 4.000 tài khoản trong năm 2021, mức cao kỷ lục so với những năm trước. Chúng tôi tin rằng xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2022 để SSIAM có thể nắm bắt cơ hội mang đến các sản phẩm đầu tư đa dạng cho các nhà đầu tư.

Các quỹ đầu tư SSIAM đang quản lý



Hiệu quả đầu tư các quỹ

1. Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI- SCA)

- **Loại quỹ:** Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam
- **Quy mô:** 685,99 tỷ đồng tại 31/12/2021
- **Mục tiêu đầu tư:** Tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và tạo thu nhập ổn định cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững và các tài sản có thu nhập cố định.
- Quỹ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vượt trội so với thị trường, tăng 49,90% so với cuối năm 2020.
- **Hiệu quả hoạt động:**

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	TĂNG TRƯỞNG (%)								TỪ KHI THÀNH LẬP*
		2014*	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
SSI-SCA	32.195,68	-1,8%	17,7%	24,1%	38,2%	-12,1%	3,9%	18,61%	49,90%	221,96%
VN-INDEX		-9,8%	6,1%	14,8%	48,0%	-9,3%	7,7%	14,87%	35,73%	147,66%

*Ngày thành lập quỹ: 26/09/2014

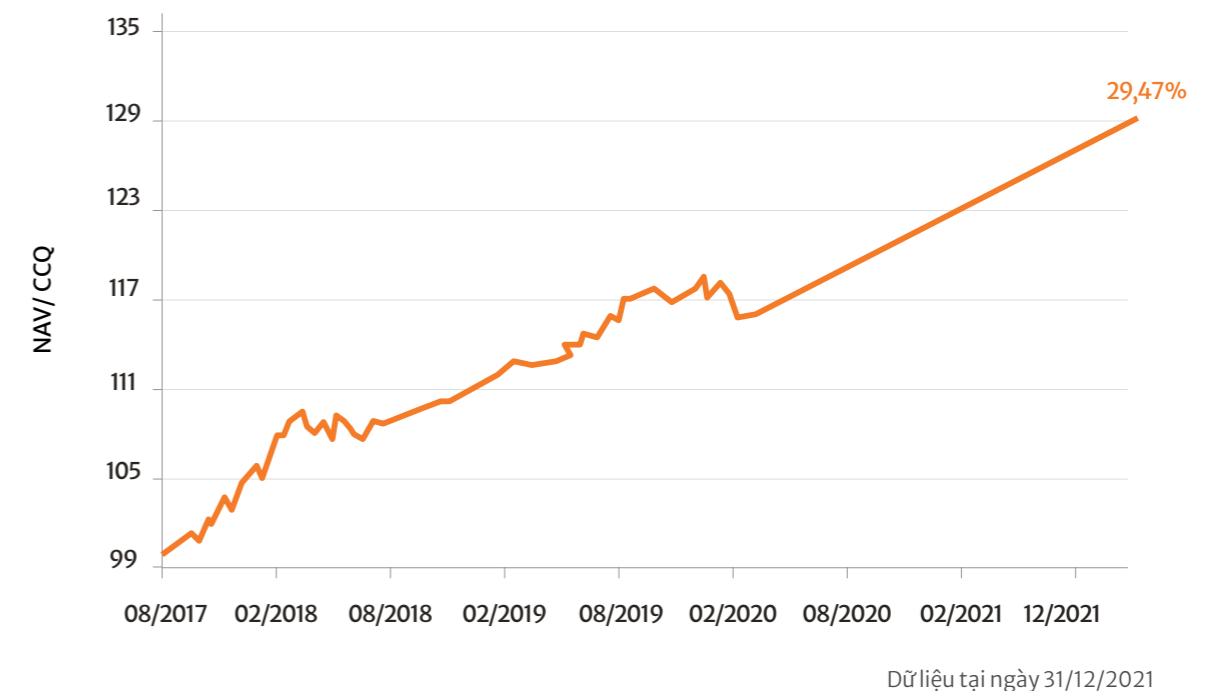


2. Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF)

- **Loại quỹ:** Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam
- **Quy mô:** 1.373,31 tỷ VND tại 31/12/2021
- **Mục tiêu đầu tư:** Tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư vào các công cụ có thu nhập cố định.
- Quỹ SSIBF đạt mức tăng trưởng tổng tài sản ấn tượng trong năm 2021 nhờ việc mở rộng mạng lưới đối tác phân phối. Việc lãi suất tiền gửi tại ngân hàng giảm cũng là một thuận lợi cho việc huy động tài sản quản lý của Quỹ SSIBF trong năm 2021.
- **Hiệu quả đầu tư:**

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	KỶ HẠN						TỪ KHI THÀNH LẬP*
		1 THÁNG	2 THÁNG	3 THÁNG	4 THÁNG	5 THÁNG	6 THÁNG	
SSIBF	12.947,13	0,51%	1,01%	1,54%	2,03%	2,56%	3,10%	29,47%

* Ngày thành lập quỹ : 30/08/2017

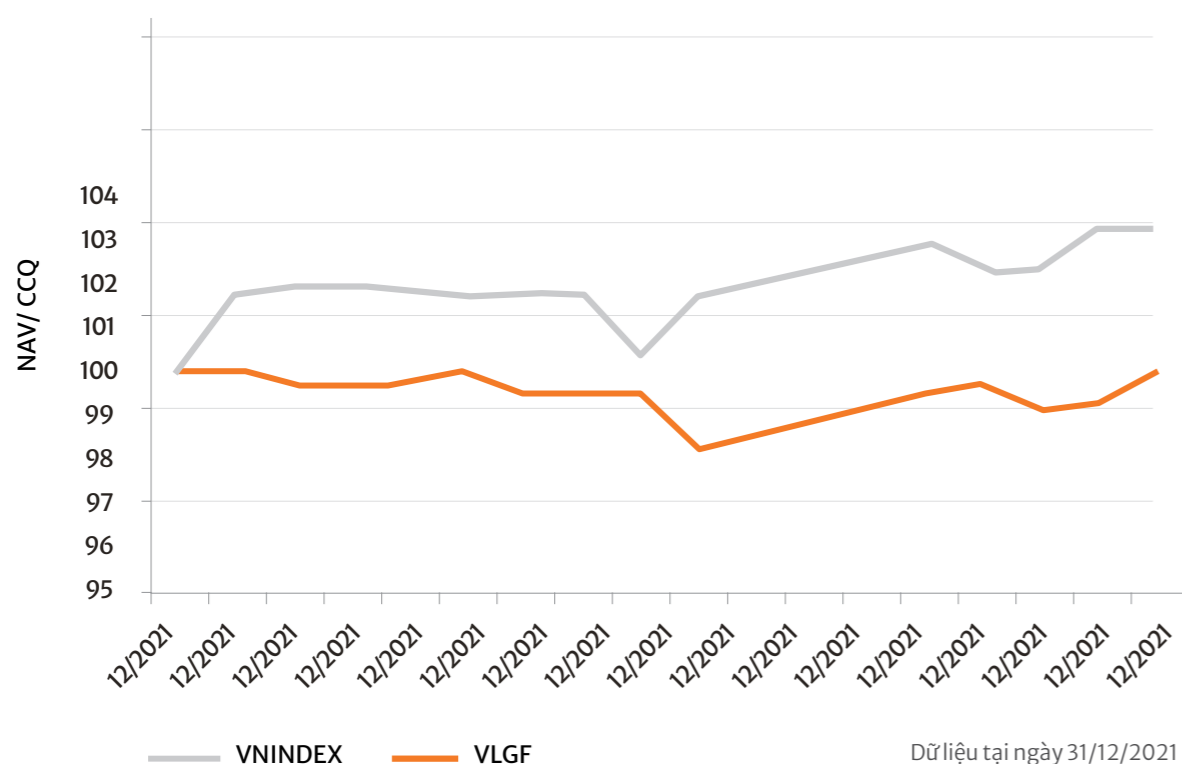


3. Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam (VLGF)

- Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô: 150,02 tỷ đồng tại 31/12/2021
- Mục tiêu đầu tư: Tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và tạo thu nhập ổn định cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu chất lượng cao, đầu ngành và được hưởng lợi nhiều nhất từ đà tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 10 năm tới.
- Hiệu quả hoạt động:

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	TĂNG TRƯỞNG (%)		
		1 THÁNG	3 THÁNG	TỪ KHI THÀNH LẬP*
VLGF	9.992,03	-0,04%	N/A	-0,04%
VN-INDEX		1,54%	N/A	1,54%

*Ngày thành lập quỹ: 7/12/2021



4. Quỹ ETF SSIAM VNX50

- Loại quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô quỹ: 312,38 tỷ VND tại 31/12/2021
- Mục tiêu đầu tư: Hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.
- Chiến lược đầu tư: Áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng toàn bộ rổ cổ phiếu VNX50 để giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.
- Hiệu quả đầu tư:

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	TĂNG TRƯỞNG (%)								
		2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	TỪ NGÀY KẾT THÚC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN*
SSIAM VNX50 ETF (FUESSV50)	23.139,38	-13,1%	-11,0%	3,6%	60,4%	-7,1%	6,0%	22,95%	48,54%	131,39%
CHỈ SỐ THAM CHIẾU**		-13,1%	-12,2%	1,7%	71,4%	-9,5%	5,9%	23,14%	49,53%	134,49%

* Ngày thành lập quỹ: 17/11/2014
 ** Từ 17/11/2014 đến 22/08/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30, sau 22/08/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50

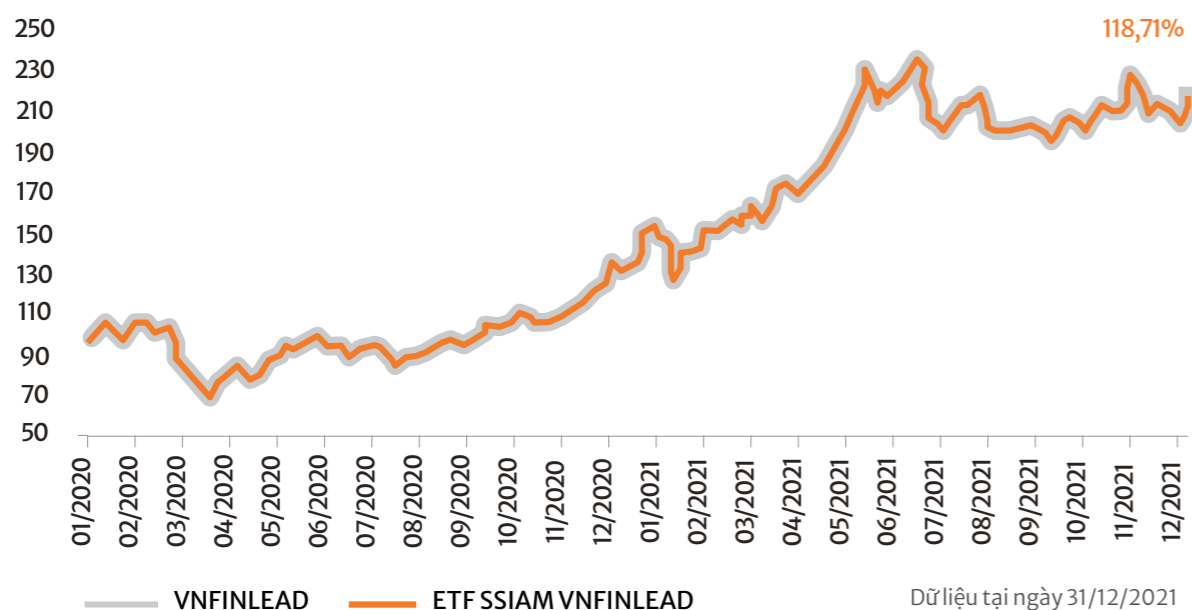


5. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

- Loại quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô quỹ: 3.468,71 tỷ VND tại 31/12/2021
- Mục tiêu đầu tư: Hướng tới hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.
- Chiến lược đầu tư: Áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.
- Hiệu quả đầu tư:

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	TĂNG TRƯỞNG (%)				
		2020	1 THÁNG	3 THÁNG	2021	TỪ KHI THÀNH LẬP*
ETF SSIAM VNFIN LEAD	21.870,83	35,59%	1,26%	10,27%	61,30%	118,71%
CHỈ SỐ VNFIN LEAD		36,15%	1,19%	10,60%	63,15%	122,13%

*Ngày thành lập quỹ: 10/1/2020

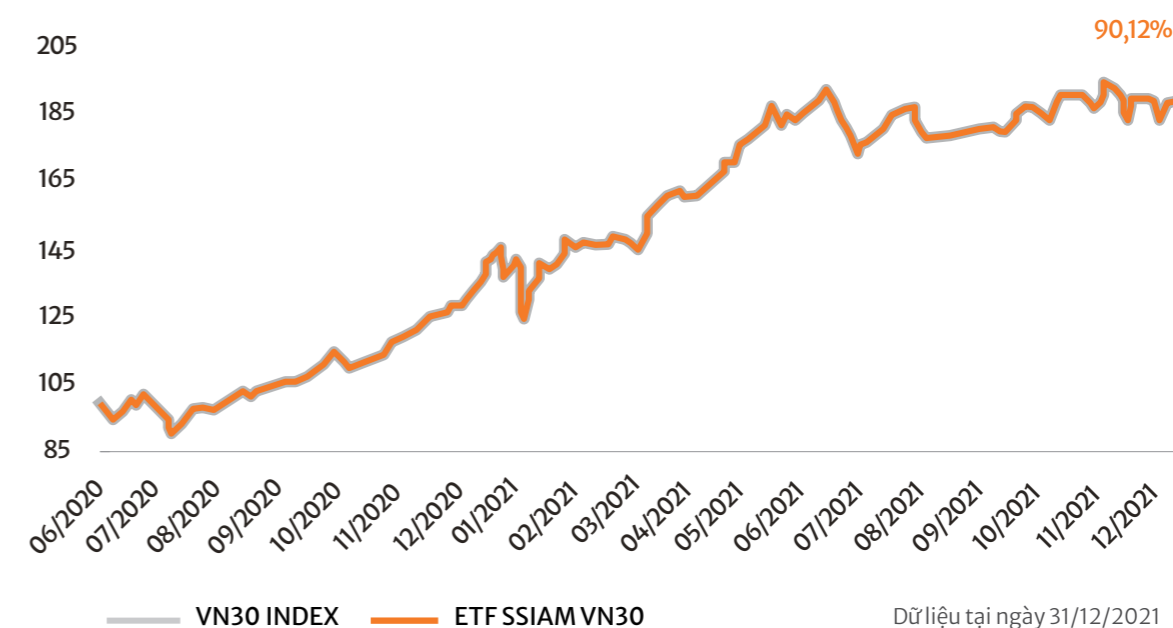


6. Quỹ ETF SSIAM VN30

- Loại quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô quỹ: 108,37 tỷ VND tại 31/12/2021
- Mục tiêu đầu tư: Hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.
- Chiến lược đầu tư: Áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.
- Hiệu quả đầu tư:

	NAV/CCQ (ĐỒNG)	TĂNG TRƯỞNG (%)				
		2020	1 THÁNG	3 THÁNG	2021	TỪ KHI THÀNH LẬP*
ETF SSIAM VN30	19.011,91	32,17%	-0,15%	5,26%	43,85%	90,12%
CHỈ SỐ VN30		32,20%	-0,12%	5,64%	43,42%	89,60%

Ngày thành lập quỹ: 22/06/2020





Quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng tổ chức

Năm 2021, SSIAM tiếp tục duy trì sự hợp tác chặt chẽ và ổn định với các khách hàng tổ chức. SSIAM không chỉ hợp tác với các công ty bảo hiểm lớn mà còn phát triển mối quan hệ với những khách hàng tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn. Hiện SSIAM đang quản lý các quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết đơn vị cho nhiều tập đoàn bảo hiểm lớn trên thế giới đang có mặt tại thị trường Việt Nam. Tổng quy mô tài sản quản lý cho các khách hàng tổ chức đạt 2.431 tỷ đồng, tăng 71,78% so với cùng kỳ năm trước.

Quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng cá nhân

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 1.215 tỷ đồng tính đến cuối năm 2021, tăng gấp 6 lần so với năm ngoái khi số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác do tâm lý lo sợ rủi ro dịch Covid-19 vào năm 2020. Để giúp khách hàng bảo toàn tài sản, SSIAM đã triển khai quản lý danh mục với chiến lược đầu tư kết hợp sản phẩm Lãi suất cố định và sản phẩm chứng khoán niêm yết. Ngoài ra, sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân là động lực chính nâng đỡ thị trường trong năm 2021 và đánh dấu bước ngoặt khi khẩu vị rủi ro của các nhà đầu tư thay đổi khiến thị trường chứng khoán trở thành một kênh đầu tư an toàn và phổ biến hơn.

Tổng quy mô tài sản quản lý cho các khách hàng tổ chức đạt

2.431 tỷ đồng

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt

1.215 tỷ đồng

Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

CHỈ TIÊU	2021	2020	Thay đổi %
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	145,2	54,4	161,4%
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chính	111,7	33,5	233,4%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	33,5	20,9	60,3%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	71,3	12,9	452,7%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	57,1	11,2	409,8%
CƠ CẤU VỐN			
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	194,6	92,5	110,29%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
LNST/Doanh thu thuần	51,1%	33,3%	53,5%
ROA	26,0%	11,1%	133,8%
ROE	29,3%	12,1%	142,3%

Đánh giá của BGD về kết quả hoạt động năm 2021

Với vị thế của một đơn vị đứng đầu, SSIAM tiếp tục thể hiện năng lực vượt trội trong hoạt động kinh doanh. Sự tăng trưởng bền vững về quy mô của SSIAM được phân bổ đa dạng từ việc thành lập các quỹ mới, đến gia tăng quy mô các quỹ hiện hữu, đồng thời mở rộng mạng lưới khách hàng ủy thác mới. Nhờ những thành tựu đó, SSIAM đã được các tạp chí uy tín trong khu vực như The Asset, Alpha Southeast Asia vinh danh là “Công ty quản lý quỹ của năm 2021”, “Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam”.

Trong năm 2021, kết quả hoạt động của SSIAM và tổng tài sản quản lý gia tăng đều đặn bất chấp

những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt vào Quý 3. Tổng tài sản quản lý tăng dần với sự thành công của công ty trong việc lập các quỹ đầu tư mới như quỹ mở, tăng quy mô các quỹ hiện tại, cũng như giành được một số khách hàng ủy thác danh mục mới qua việc triển khai các chiến lược đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng nhóm khách hàng đầu tư khác nhau.

Các Quỹ do SSIAM quản lý đều đạt hiệu quả đầu tư ấn tượng trong năm 2021, góp phần tạo dựng niềm tin đối với nhà đầu tư. Với sự quản lý của công ty quản lý quỹ tiên phong trong các sản phẩm quỹ ETF tại Việt Nam, quỹ SSIAM VNFIN

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD tăng trưởng

61,30%

Quỹ SSI-SCA tăng trưởng

49,90%

Quỹ VLGF trong giai đoạn IPO, đã thu hút hơn

500 Nhà đầu tư trong và ngoài nước

Với tổng số tiền đầu tư gần

150 Tỷ đồng

LEAD ETF tiếp tục tăng trưởng quy mô theo cấp số nhân, tăng 214,7 lên 3.468 tỷ đồng trong năm 2021. Quỹ này đã có hiệu quả tăng trưởng 61,30%, cùng với các Quỹ ETF SSIAM VNX50 tăng trưởng 48,54%, Quỹ ETF SSIAM VN30 tăng trưởng 43,85% và Quỹ đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA) tăng 49,90%. Đáng chú ý, trong môi trường lãi suất tiền gửi thấp, việc cấu trúc sản phẩm Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF) phù hợp với nhu cầu ngắn hạn của nhà đầu tư đã giúp quy mô tài sản của quỹ tăng 91,89% so với đầu năm và được nhiều nhà đầu tư cá nhân đón nhận. SSIAM sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với một số đối tác phân phối chính cho các quỹ mở này trong năm 2022.

Nhờ uy tín và hiệu quả đầu tư tích cực, SSIAM đã tận dụng cơ hội thành lập mới Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam (VLGF), chỉ trong thời gian IPO ngắn, quỹ đã thu hút được hơn 500 nhà đầu tư trong và ngoài nước với tổng số tiền đầu tư gần 150 tỷ đồng.

Các Quỹ liên kết đơn vị mà SSIAM quản lý cho các công ty bảo hiểm lớn trên thị trường cũng được triển khai một cách hiệu quả. Với vị thế là đơn vị quản lý quỹ hàng đầu cho các đối tác, khách hàng lĩnh vực bảo hiểm, SSIAM một lần nữa được tạp chí Alpha Southeast Asia lựa chọn là “Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2021.

Bên cạnh những số liệu về kinh doanh, năm 2021 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi SSIAM chính thức đưa vào hoạt động hệ thống kế toán và quản trị quỹ và hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mới, với công nghệ hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của Công ty trong việc quản lý vận hành, cũng như nâng cao trải nghiệm của nhà đầu tư trong quá trình giao dịch.

Với sự nỗ lực của toàn thể công ty, SSIAM đã vượt qua những trở ngại chung của nền kinh tế để đạt được mức tăng trưởng vượt bậc về quy mô cũng như hiệu quả kinh doanh. Đến cuối năm 2021, tổng tài sản quản lý đạt 12.959 tỷ đồng tăng 94,3% so với đầu năm, vượt kế hoạch 2,35%. Doanh thu cả năm 2021 đạt trên 145 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 71 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt tăng 161% và 453% so với năm 2020. Đánh giá năm 2022 trong khó khăn vẫn còn nhiều cơ hội, SSIAM đã tiếp tục đặt nền móng cho hoạt động kinh doanh và sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới.



Tổng tài sản quỹ tăng

94,3%
so với đầu năm

Vượt kế hoạch

2,35%



Kế hoạch hoạt động
năm 2022

03

Mục tiêu & Kế hoạch
kinh doanh 2022

Mục tiêu và chiến lược hoạt động năm 2022



Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư, và tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững.

Với các diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, cũng như tình hình dịch bệnh khó lường, chúng tôi đánh giá năm 2022 sẽ tiếp tục còn nhiều khó khăn cho ngành chứng khoán nói chung và ngành quản lý quỹ nói riêng. Tuy nhiên khả năng kiểm soát dịch bệnh, độ phủ vắc-xin cao và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã góp phần đưa Việt Nam trở thành một địa chỉ đầu tư hấp dẫn không chỉ đối với nhà đầu tư trong nước mà cả các tổ chức quốc tế. Môi trường kinh doanh trong nước cũng trở nên cạnh tranh hơn với sự góp mặt của nhiều công ty quản lý quỹ nước ngoài với nguồn vốn dồi dào. Tận dụng vị thế là công ty quản lý quỹ nội địa hàng đầu, SSIAM tiếp tục mở rộng mạng lưới hợp tác với các đối tác phân phối trong và ngoài nước; đồng thời liên tục đánh giá hiệu quả sản phẩm hiện hữu, nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới để kịp thời thích ứng với những thay đổi của thị trường, chính sách và nhu cầu của nhà đầu tư.

Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư, và tăng

trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững. Để đạt được điều đó, SSIAM luôn chú trọng nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ khách hàng. Chúng tôi luôn hướng tới việc cung cấp các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư, đồng thời dẫn dắt nhà đầu tư tham gia những sản phẩm mới chưa được biết đến trên thị trường. Do đó, chúng tôi sẽ duy trì việc tiếp xúc nhà đầu tư để hiểu được nhu cầu, cũng như xu hướng đầu tư trong tương lai và học hỏi kinh nghiệm tại các thị trường lớn hơn để phát triển các dòng sản phẩm phù hợp. Việc phát triển và đa dạng hóa các kênh phân phối vẫn là việc mà chúng tôi phải chú trọng để sản phẩm tiếp cận được đến với rộng rãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, SSIAM cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các sản phẩm đầu tư và hệ thống báo cáo, quản trị dữ liệu; đồng thời tăng cường nhận diện thương hiệu, truyền thông rộng rãi hơn để góp phần nâng cao nhận thức đại chúng về các sản phẩm đầu tư.

Kế hoạch hoạt động năm 2022

Phát triển sản phẩm mới và đẩy mạnh quy mô các sản phẩm hiện tại

Bên cạnh quỹ mở và quỹ thành viên mới đã thành lập trong năm 2021, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường. Các dự án liên tục được chúng tôi triển khai, để lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất trong giai đoạn thị trường hiện nay. Chúng tôi cũng vẫn tiếp tục theo đuổi dự án Quỹ Hưu trí bổ sung tự nguyện và cân nhắc thời điểm phù hợp để giới thiệu ra thị trường.

Với các sản phẩm quỹ hiện tại, SSIAM tập trung đẩy mạnh quy mô quỹ, danh mục hoạt động hiệu quả hơn. Chúng tôi cũng sẽ tập trung hướng đến nhóm khách hàng có nguồn tiền nhàn rỗi ở các ngân hàng thương mại với sản phẩm quỹ trái phiếu, là kênh thay thế hấp dẫn với kênh tiết kiệm ngân hàng và tệp khách hàng nhà đầu tư cá nhân trong nước. Trong thời gian qua, sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân mới được gọi thông dụng hiện nay là “nhà đầu tư F0” là một dấu mốc lớn của thị trường chứng khoán. Tổng số tài khoản mở mới năm 2021 là hơn 1,5 triệu tài khoản, lớn gấp rưỡi tổng số tài khoản mở mới trong 4 năm 2017; 2018; 2019 và 2020 cộng lại, trong đó đỉnh điểm là hơn 226.000 tài khoản mở mới trong tháng 12/2021. Tuy nhiên, mức độ thâm nhập thị trường vốn mới chỉ chiếm khoảng 4% trong số hơn 100 triệu dân số – mặc dù tốc độ tăng trưởng theo cấp số nhân trong thời gian qua, chúng tôi tin rằng xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2022 để SSIAM có thể nắm bắt cơ hội mang đến các sản phẩm đầu tư đa dạng cho các nhà đầu tư.

Phát triển kênh phân phối

Chúng tôi vẫn tiếp tục sử dụng kênh phân phối chính, truyền thống cho sản phẩm quỹ mở từ các công ty chứng khoán trong nước cũng như ngoài nước, và một số kênh giới thiệu khách hàng tiềm năng khác. Song song với đó, chúng tôi cũng mở rộng phạm vi tiến tới phân phối qua ứng dụng online di động.

Nâng cấp hệ thống vận hành và cải thiện quy trình

Đối với hệ thống quản trị quỹ/danh mục, sau nhiều năm vận hành và nâng cấp, trong năm 2021 vừa qua, chúng tôi tiếp tục làm việc với nhà cung cấp hệ thống kế toán và quản trị quỹ Bravo để giúp quy chuẩn hóa các quy trình trong quá trình hạch toán kế toán, tính toán giá trị tài sản ròng các quỹ và danh mục, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tốt hơn, nâng cấp ở các chức năng chuyên sâu hơn, nhằm hạn chế rủi ro vận hành do lỗi tác nghiệp thủ công để tăng độ chính xác và hiệu suất phát hành báo cáo tài sản các loại.

Năm 2021 chúng tôi đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mới, thay thế hệ thống cũ với nhiều tính năng vượt trội, như eKYC để hỗ trợ các nhà đầu tư mới đăng ký tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở một cách thuận tiện và dễ dàng. Năm 2022, chúng tôi sẽ tiếp tục hợp tác cùng nhà cung cấp để nâng cấp, cải thiện và triển khai các chức năng mới đã nằm trong lộ trình để gia tăng tiện ích dịch vụ cho khách hàng một cách tốt nhất.



Mô hình quản trị công ty

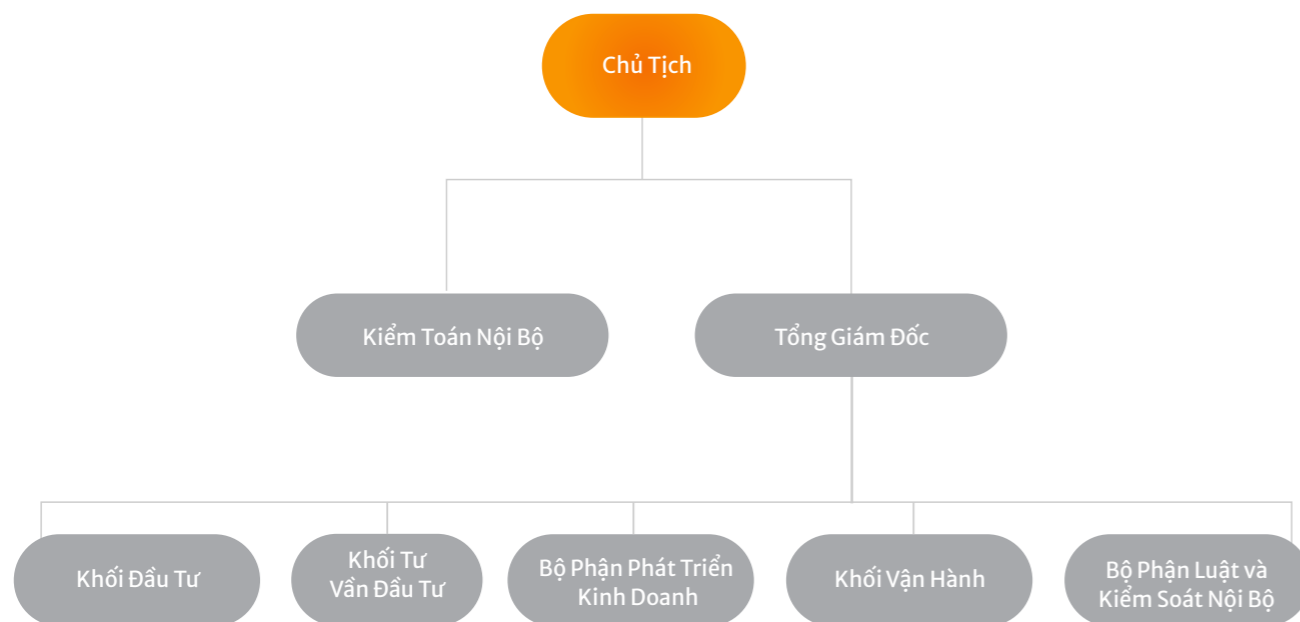
Con người SSIAM

Quản trị rủi ro

04

Quản trị
Doanh nghiệp

Mô hình quản trị công ty



Ban giám đốc



Bà Lê Thị Lệ Hằng | Tổng Giám Đốc

- Bà Hằng là Tổng giám đốc SSIAM từ năm 2010.
- Bà Hằng có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại SSIAM, CTCP Chứng Khoán SSI (SSI) và W.P.Stewart, một công ty quản lý quỹ có trụ sở tại New York. Tại SSI, bà Hằng từng giữ chức vụ Giám Đốc Khối Phân Tích và Tư Vấn Đầu Tư kiêm trợ lý Chủ Tịch HĐQT và Giám Đốc Khối Phát Triển Khách Hàng Tổ Chức.
- Bà là thành viên HĐQT của một số công ty niêm yết.
- Bà Hằng có bằng Thạc sỹ Tài chính và Cử nhân Kế toán của trường American University, Hoa Kỳ.



Bà Tô Thùy Linh | Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Vận Hành

- Gia nhập SSIAM từ năm 2011, Bà Linh hiện là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Vận Hành bao gồm các lĩnh vực kế toán, nghiệp vụ quỹ, hành chính - nhân sự- công nghệ thông tin của SSIAM.
- Bà Linh có bằng Thạc Sỹ chuyên ngành Ngân hàng của trường University of New South Wales và Cử Nhân chuyên ngành Tài chính và Kế toán của trường University of Sydney, Úc.



Ông Nguyễn Phan Dũng | Phó Tổng Giám Đốc

- Gia nhập SSIAM từ năm 2007, ông Dũng hiện là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách mảng đầu tư vào các công ty tư nhân. Ông Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư với các định chế tài chính như ABN AMRO, CBOT và Intercall tại Chicago, Hoa Kỳ.
- Ông là thành viên HĐQT của một số công ty niêm yết.
- Ông Dũng có bằng Cử nhân Kinh tế của trường Knox College, và bằng MBA của trường Loyola University, Chicago, Hoa Kỳ, nơi ông là thành viên của chương trình Beta Gamma Sigma và thành viên của Hiệp Hội Quản lý Rủi Ro Quốc Tế.

Con người SSIAM



Chính sách thu nhập

Công ty áp dụng chính sách thu nhập cạnh tranh và phù hợp với năng lực của từng nhân viên. Chính sách này luôn đảm bảo việc thu hút được những nhân sự hàng đầu trong ngành và duy trì lợi thế cạnh tranh của Công ty, nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững dựa trên sự kết hợp giữa lực lượng nhân sự trẻ, năng động và cầu tiến với các nhân sự lớn tuổi, có kinh nghiệm.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực mạnh là yếu tố chính cho sự thành công của Công ty. SSIAM luôn chú trọng xây dựng và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Ngoài kỹ năng chuyên môn của nhân viên, chúng tôi hướng tới nuôi dưỡng tinh thần làm việc nhiệt tình, trách nhiệm, thái độ hợp tác của nhân viên. Trong công tác tuyển dụng, chúng tôi lựa chọn những cá nhân có cùng chung văn hóa làm việc, đề cao lòng nhiệt huyết, tính trách nhiệm, tự chủ để công ty luôn duy trì được nguồn nhân lực tốt nhất.

Trong năm 2021, chúng tôi tăng cường nhiều nhân sự mới cho các bộ phận để đáp ứng yêu cầu gia tăng khối lượng công việc khi có thêm các quỹ và danh mục mới thành lập, đặc biệt là bộ phận Đầu Tư, bộ phận Luật và Kiểm soát Tuân thủ, bộ phận Kế toán và bộ phận Phát triển Kinh doanh.

Số lượng nhân sự
tại cuối năm 2021 **42** Người

Quản trị rủi ro



Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, SSIAM luôn theo đuổi triết lý kinh doanh “Hoạt động đầu tư luôn đảm bảo sự tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, các cam kết với khách hàng, áp dụng các tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro”. Do đó, SSIAM xác định công tác quản trị rủi ro là một trong các ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của mình.

Trong năm 2021, chúng tôi tiếp tục dành nhiều thời gian để hệ thống hóa và cập nhật lại các quy trình nghiệp vụ, ban hành và thông báo phạm vi toàn công ty nhằm cung cấp cho nhân viên một hệ thống hướng dẫn công việc chi tiết và hiệu quả. Chúng tôi đã triển khai đi vào hoạt động hệ thống quản trị quỹ và danh mục mới, hệ thống phần mềm kế toán thay thế hệ thống cũ không còn đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty, giúp hạn chế rủi ro vận hành do lỗi tác nghiệp thủ công, tăng hiệu quả hoạt động.

Bộ phận Luật và Kiểm soát tuân thủ thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới, đảm bảo các bộ phận thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình xây dựng Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ phận Luật cũng như các bộ phận khác của SSIAM đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến, trước hết để góp phần xây dựng ngành, và hơn nữa để lường trước được những thay đổi trong quy định pháp luật, có thể ảnh hưởng lên hoạt động công ty, từ đó có thời gian chuẩn bị trước khi văn bản có hiệu lực, giúp công ty giảm thiểu rủi ro hoạt động.

Hoạt động đầu tư luôn đảm bảo sự tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, các cam kết với khách hàng, áp dụng các tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro.



05

Báo cáo tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là công ty con do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty được thành lập theo Quyết định số 194/2007/QĐ-SSI ngày 1 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 99/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với thời hạn hoạt động 50 năm. Vốn điều lệ của Công ty là 75 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý mười một (11) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF), Quỹ Đầu tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA), Quỹ ETF SSIAM VNX50, Quỹ Đầu tư Trái phiếu SSI (SSIBF), Quỹ ETF SSIAM VN30, Quỹ đầu tư tăng trưởng dài hạn Việt Nam (VLGF), Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD và Quỹ Đầu tư Công nghệ số Việt Nam (VDF), Quỹ Daiwa-SSIAM Vietnam Growth Fund II L.P, Quỹ Daiwa-SSIAM Vietnam Growth Fund III L.P và Quỹ Vietnam Growth Investment Fund L.P.

Chủ tịch công ty

Ông Nguyễn Mạnh Hùng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Quyết định số 55/2020/QĐ-CTHQQT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

Ban tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2010
Ông Nguyễn Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2013
Bà Tô Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Lê Thị Lệ Hằng, chức danh: Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Công bố của ban tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Chủ sở hữu

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
TÀI SẢN				
100	A.TÀI SẢN NGẮN HẠN		175.963.643.624	97.045.349.426
110	I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	4	14.347.082.329	35.796.036.116
111	1. Tiền		4.347.082.329	4.796.036.116
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	31.000.000.000
120	II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	5	126.206.249.410	48.808.161.440
121	1. Đầu tư ngắn hạn		126.389.353.859	49.737.404.940
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(183.104.449)	(929.243.500)
130	III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		33.606.843.861	10.414.991.764
132	1. Trả trước cho người bán		11.972.503.200	102.430.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	16.282.457.228	9.188.938.341
135	3. Các khoản phải thu khác	7	5.351.883.433	1.123.623.423
150	IV. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	8	1.803.468.024	2.026.160.106
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		783.014.199	1.516.124.584
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	597.877.333	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		422.576.492	510.035.522
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.851.354.688	3.864.451.390
220	I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		7.986.059.257	3.217.305.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.185.306.808	215.265.104
222	Nguyên giá		2.385.169.499	1.245.569.499
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.199.862.691)	(1.030.304.395)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	6.800.752.449	3.002.040.841
228	Nguyên giá		9.244.756.195	4.585.756.195
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.444.003.746)	(1.583.715.354)
250	II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	11	34.621.700.000	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		34.621.700.000	-
260	III. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	12	1.243.595.431	647.145.445
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		668.595.431	432.145.445
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13.2	560.000.000	200.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		219.814.998.312	100.909.800.816

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		25.233.594.940	8.393.160.325
310	I. NỢ NGẮN HẠN		25.193.594.940	8.373.160.325
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.532.398.047	1.660.085.415
315	Phải trả người lao động		15.099.864.644	4.555.967.128
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	7.107.860.936	2.157.107.782
328	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.453.471.313	-
330	II. NỢ DÀI HẠN		40.000.000	20.000.000
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	15	40.000.000	20.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	194.581.403.372	92.516.640.491
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.000.000.000	30.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.000.000.000	3.000.000.000
419	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.000.000.000	3.000.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.581.403.372	56.516.640.491
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		219.814.998.312	100.909.800.816

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
5	1. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI		8.794.802	1.646.183.598
6	2. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	17	31.764.700.000	26.000.000.000
	TRONG ĐÓ:			
	2.1. Chứng khoán giao dịch		31.764.700.000	26.000.000.000
20	3. CHỨNG KHOÁN CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		34.621.700.000	305.000.000
30	4. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	18	159.906.441.608	44.291.309.614
31	4.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		157.178.058.263	32.401.861.719
32	4.2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.728.383.345	11.889.447.895
40	5. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	19	1.562.369.886.829	321.351.858.380
41	5.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.521.479.470.804	291.637.018.287
42	5.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		40.890.416.025	29.714.840.093
50	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	1.074.683.053	776.564.658
51	7. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC	21	13.024.602.860	14.401.186.651

Người lập biểu

Bà Trần Ngọc Mai

Kế toán

Người phê duyệt

Bà Mai Huyền Ngọc

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam | Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
1	1. Doanh thu	22	111.724.376.734	33.452.796.681
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	111.724.376.734	33.452.796.681
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(51.726.249.639)	(23.058.335.825)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		59.998.127.095	10.394.460.856
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	33.503.816.442	20.920.652.283
22	7. Chi phí tài chính	25	(412.222.127)	(1.126.878.004)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(21.908.440.252)	(17.332.866.219)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.181.281.158	12.855.368.916
31	10. Thu nhập khác		173.754.471	6.738.488
32	11. Chi phí khác		(12.600.000)	-
40	12. Lợi nhuận khác		161.154.471	6.738.488
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.342.435.629	12.862.107.404
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.1	(14.637.672.748)	(1.906.438.756)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	13.2	360.000.000	200.000.000
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		57.064.762.881	11.155.668.648

Người lập biểu

Bà Trần Ngọc Mai

Kế toán

Người phê duyệt

Bà Mai Huyền Ngọc

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam | Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	1. Lợi nhuận trước thuế		71.342.435.629	12.862.107.404
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(877.766.895)	(3.248.786.196)
2	• Khấu hao tài sản cố định		1.029.846.688	463.138.858
3	• Các khoản chi phí dự phòng		(726.139.051)	(769.691.880)
4	• Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		30.998.109	31.487.505
5	• Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.212.472.641)	(2.973.720.679)
8	3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.464.668.734	9.613.321.208
9	• Giảm/(tăng) các khoản phải thu		(23.414.434.102)	12.513.995.783
10	• Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		(74.651.948.919)	13.759.415.038
11	• (Giảm)/tăng các khoản phải trả		17.493.567.990	(2.890.285.177)
12	• (Tăng)/giảm chi phí trả trước		496.660.399	(1.092.957.029)
14	• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(15.961.933.456)	(7.745.134.387)
20	• Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(25.573.419.354)	24.158.355.436
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.775.850.000)	(1.870.872.800)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	5.772.727
23	3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.000.000.000)	(51.000.000.000)
24	4. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		21.000.000.000	49.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(39.992.200.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.370.500.000	
27	7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.522.426.063	2.461.336.993
30	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN SỬ DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(40.875.123.937)	(903.763.080)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	16	45.000.000.000	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	16	-	(36.120.042.543)
40	• Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		45.000.000.000	(36.120.042.543)
50	• Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(21.448.543.291)	(12.865.450.187)
60	• Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.796.036.116	48.671.418.633
61	• Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(410.496)	(9.932.330)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	14.347.082.329	35.796.036.116

Người lập biểu

Bà Trần Ngọc Mai

Kế toán

Người phê duyệt

Bà Mai Huyền Ngọc

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc

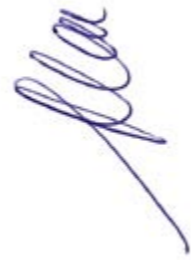
Hà Nội, Việt Nam | Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG/GIẢM		SỐ DƯ CUỐI NĂM	
		NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	TĂNG	GIẢM	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY
1. Vốn điều lệ	17	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	75.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	17	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	17	81.481.014.386	56.516.640.491	11.155.668.648	(36.120.042.543)	57.064.762.881	113.581.403.372
TỔNG CỘNG		117.481.014.386	92.516.640.491	11.155.668.648	(36.120.042.543)	102.064.762.881	194.581.403.372

Người lập biểu


Bà Trần Ngọc Mai

Kế toán

Người phê duyệt


Bà Mai Huyền Ngọc

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt


Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam | Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Thuyết minh báo cáo tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Công Ty

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (“Công ty” hoặc “SSIAM”) là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Quyết định số 194/2007/QĐ-SSI của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ngày 1 tháng 4 năm 2007 và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 99/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày thành lập.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý mười một (11) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF), Quỹ Đầu tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA), Quỹ ETF SSIAM VNX50, Quỹ Đầu tư Trái phiếu SSI (SSIBF), Quỹ ETF SSIAM VN30, Quỹ đầu tư tăng trưởng dài hạn Việt Nam (VLGF), Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD và Quỹ Đầu tư Công nghệ số Việt Nam (VDF), Quỹ Daiwa-SSIAM Vietnam Growth Fund II L.P, Quỹ Daiwa-SSIAM Vietnam Growth Fund III L.P và Quỹ Vietnam Growth Investment Fund L.P.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, Tòa nhà 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 33 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (2) công ty liên kết như sau:

- Công ty Cổ phần Công thẳng Alpha
- Công ty Cổ phần Đầu tư KAC

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2

năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. Các chính sách kế toán chủ yếu

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được

xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty liên kết bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng

đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

3.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu

với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng

là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của thông tư 48/2019/TT-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	5 năm

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.11 Phân phối lợi nhuận và các quỹ

Công ty thực hiện trích lập 5% lợi nhuận trong năm tài chính vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, đến khi số dư bằng 10% vốn điều lệ thì không thực hiện trích tiếp.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ của năm tài chính sẽ được chuyển về Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12 Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập hàng năm tính vào chi phí quản lý dùng để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ gây thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của người hành nghề quản lý quỹ trong quá trình tác nghiệp. Trong năm tài chính nếu không sử dụng hết số dự phòng đã lập thì được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

3.13 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 01 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.15.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ – Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

3.15.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.17 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.18 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Tiền	4.347.082.329	4.796.036.116
Tiền mặt tại quỹ	97.890.379	83.320.832
Tiền gửi không kỳ hạn	4.249.191.950	4.712.715.284
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	3.919.200.630	4.179.868.391
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	116.821.130	107.902.480
• Ngân hàng TNHH MTV Shinhanbank (Việt Nam)	213.170.190	424.944.413
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	31.000.000.000
Tiền gửi có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi	10.000.000.000	31.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	10.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	14.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	7.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.000.000.000	-
	14.347.082.329	35.796.036.116

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Tiền gửi có thời hạn thu hồi trên ba tháng kể từ ngày gửi	13.000.000.000	11.000.000.000
Đầu tư chứng khoán (i)	113.389.353.859	38.737.404.940
• Dự phòng giảm giá chứng khoán (i)	(183.104.449)	(929.243.500)
	126.206.249.410	48.808.161.440

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán:

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM (VND)	
	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)
		VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	3.176.520	113.389.353.859	2.630.584	38.737.404.940
Cổ phiếu niêm yết	119.850	9.321.392.296	-	-
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	30.500	3.324.500.000
• Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	-	84	8.400.000.000
Chứng chỉ quỹ niêm yết	3.056.620	54.067.961.563	2.600.000	27.012.904.940
Chứng chỉ tiền gửi	50	50.000.000.000	-	-
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(183.104.449)	-	(929.243.500)
	3.176.520	113.206.249.410	2.630.584	37.808.161.440

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (i)	7.467.391.433	2.756.626.078
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	4.516.601.498	1.923.053.496
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	3.450.045.981	4.310.135.627
Phải thu từ hoạt động phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	848.418.316	199.123.140
	16.282.457.228	9.188.938.341

(i) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư có phí quản lý và phí thưởng dành cho SSIAM, Công ty được hưởng phí quản lý không quá 2% theo giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công, ngoài ra Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục đạt lợi nhuận vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

7. Các khoản phải thu khác

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Phải thu lãi tiền gửi	152.895.890	537.884.927
Phải thu lãi trái phiếu	-	4.602.740
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	79.452.055	-
Các khoản phải thu khác	5.119.535.488	581.135.756
	5.351.883.433	1.123.623.423

8. Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	783.014.199	1.516.124.584
- Chi phí thuê văn phòng trả trước	506.220.000	1.012.440.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài trả trước khác	276.794.199	503.684.584
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	597.877.333	-
Tài sản ngắn hạn khác	422.576.492	510.035.522
	1.803.468.024	2.026.160.106

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. Tài sản cố định hữu hình

	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG, DỤNG CỤ QUẢN LÝ (VND)
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	1.245.569.499
Mua trong năm	1.139.600.000
Thanh lý trong năm	-
Số cuối năm	2.385.169.499
KHẤU HAO LŨY KẾ	
Số đầu năm	1.030.304.395
Khấu hao trong năm	169.558.296
Thanh lý trong năm	-
Số cuối năm	1.199.862.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	215.265.104
Số cuối năm	1.185.306.808

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	996.904.699	996.904.699

10. Tài sản cố định vô hình

	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH (VND)
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	4.585.756.195
Mua trong năm	4.659.000.000
Số cuối năm	9.244.756.195
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.583.715.354
Khấu hao trong năm	860.288.392
Số cuối năm	2.444.003.746
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.002.040.841
Số cuối năm	6.800.752.449

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.134.366.195	1.134.366.195

11. Tài sản dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Chi phí trả trước dài hạn	668.595.431	432.145.445
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	354.797.080	261.171.092
- Chi phí trả trước dài hạn khác	313.798.351	170.974.353
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.000.000	15.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	560.000.000	200.000.000
	1.243.595.431	647.145.445

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. Thuế và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	SỐ ĐẦU NĂM (VND)	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM (VND)	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM (VND)	SỐ CUỐI NĂM (VND)
PHẢI THU				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(726.383.375)	(14.637.672.748)	15.961.933.456	597.877.333
TỔNG CỘNG	(726.383.375)	(14.640.672.748)	15.961.933.456	597.877.333
PHẢI NỘP				
Thuế thu nhập cá nhân	902.723.072	8.423.398.500	(8.069.588.857)	1.256.532.715
Thuế giá trị gia tăng	2.810.669	35.244.523	(37.444.287)	610.905
Thuế khác	28.168.299	617.649.217	(370.563.089)	275.254.427
TỔNG CỘNG	933.702.040	9.076.292.240	(8.477.596.233)	1.532.398.047

12.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.342.435.629	12.862.107.404
Các khoản điều chỉnh tăng	2.828.430.000	1.143.154.774
• Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	128.430.000	123.154.774
• Chi phí lương thưởng hiệu quả công việc tạm thời không được khấu trừ thuế	2.700.000.000	1.000.000.000
• Chi phí dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại nhà đầu tư	-	20.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(982.501.891)	(387.842.495)
• Doanh thu không chịu thuế - lỗ chênh lệch tỉ giá	30.998.109	33.157.505
• Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(13.500.000)	(421.000.000)
• Chi phí lương thưởng hiệu quả công việc năm trước đã chi	(1.000.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	73.188.363.738	13.617.419.683
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.637.672.748	2.723.483.937
Thuế TNDN được giảm trong năm (*)	-	(817.045.181)
Tổng chi phí thuế TNDN trong năm	14.637.672.748	1.906.438.756
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	726.383.375	6.565.079.006
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(15.961.933.456)	(7.745.134.387)
Thuế TNDN còn phải nộp/(phải thu) cuối năm	(597.877.333)	726.383.375

(*) Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch phát sinh từ chi phí lương thưởng hiệu quả công việc tạm thời phải chịu thuế (Thuyết minh 13). Trong năm, Công ty không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Phải trả phí dịch vụ	135.083.382	140.000.000
Phải trả cho đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	1.009.034.002	786.015.937
Phải trả khác	5.963.743.552	1.231.091.845
	7.107.860.936	2.157.107.782

14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Số dư đầu năm	20.000.000	-
Số bồi thường cho nhà đầu tư trong năm	-	-
Số trích lập trong năm	20.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm	40.000.000	20.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. Vốn chủ sở hữu

	VỐN ĐIỀU LỆ VND	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ VND	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH VÀ RỦI RO NGHIỆP VỤ VND	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHỨA PHẦN PHỐI VND	TỔNG CỘNG VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Số đầu năm	30.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	81.481.014.386	117.481.014.386
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	(36.120.042.543)	(36.120.042.543)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	11.155.668.648	11.155.668.648
Số cuối năm	30.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	56.516.640.491	92.516.640.491
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Số đầu năm	30.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	56.516.640.491	92.516.640.491
Tăng vốn trong năm	45.000.000.000	-	-	-	45.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	57.064.762.881	57.064.762.881
Số cuối năm	75.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	113.581.403.372	194.581.403.372

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ THEO MỆNH GIÁ (VND)	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ THEO MỆNH GIÁ (VND)
Chứng khoán giao dịch	3.176.470	31.764.700.000	2.600.000	26.000.000.000

17. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Phí quản lý quỹ	45.682.714.598	14.094.867.297
Phí quản lý từ hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	36.817.315.352	12.216.658.783
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	21.598.084.803	4.651.360.802
Phí quản lý đầu tư chứng khoán	-	1.419.594.777
Doanh thu từ hoạt động phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	7.626.261.981	1.070.315.022
	111.724.376.734	33.452.796.681

18. Chi phí hoạt động kinh doanh

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Chi phí lương và các khoản liên quan đến lương	22.293.493.596	11.967.028.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	550.510.388	363.096.160
Chi phí hoạt động quản lý Quỹ	21.723.986.146	4.070.552.229
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	5.009.916.884	686.238.954
Chi phí liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư	347.976.082	3.044.576.928
Chi phí bộ phận nghiệp vụ	208.234.268	1.015.343.966
Các chi phí khác	1.592.132.275	1.911.498.659
	51.726.249.639	23.058.335.825

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.695.814.021	3.238.180.001
Lãi trái phiếu	345.205.516	298.465.759
Cổ tức được nhận	13.500.000	421.000.000
Lãi chứng chỉ tiền gửi	126.712.329	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	31.322.374.576	16.896.239.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	210.000	66.767.023
	33.503.816.442	20.920.652.283

20. Chi phí tài chính

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	34.545.976	164.582.564
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	30.998.109	31.487.505
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(746.139.051)	(789.691.880)
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.092.817.093	1.720.499.815
	412.222.127	1.126.878.004

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Chi phí nhân viên	15.326.836.587	11.363.387.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	479.336.300	100.042.698
Chi phí công cụ, dụng cụ	263.191.623	121.564.940
Chi phí thuê văn phòng	2.024.880.000	2.024.880.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.279.937.145	1.056.162.555
Chi lễ tân, tiếp khách	720.513.468	801.902.208
Các chi phí khác	813.745.129	1.864.926.818
	21.908.440.252	17.332.866.219

22. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

22.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn.

Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ

giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI SANG (VND)	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI SANG (VND)	GBP ĐƯỢC QUY ĐỔI SANG (VND)
Tài sản			
Tiền gửi tại ngân hàng	2.350.711	2.854.237	3.589.854
Trả trước người bán	133.123.200	-	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	3.450.045.981	-	-
Phải thu khác	234.255.627		234.255.627
Tổng tài sản	3.819.775.519	2.854.237	3.589.854
			3.826.219.610
Nợ phải trả	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3.819.775.519	2.854.237	3.589.854
			3.826.219.610

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là 75.999.718.000 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

22.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường

xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

22.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

Đơn vị: VND

	KHÔNG KỶ HẠN	ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 - 12 THÁNG	TỪ 1 - 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.532.398.047	-	-	-	1.532.398.047
Phải trả người lao động	15.099.864.644	-	-	-	15.099.864.644
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.107.860.936	-	-	-	7.107.860.936
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.453.471.313	-	-	-	1.453.471.313
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	40.000.000	-	-	-	40.000.000
	25.233.594.940	-	-	-	25.233.594.940
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.660.085.415	-	-	-	1.660.085.415
Phải trả người lao động	4.555.967.128	-	-	-	4.555.967.128
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.157.107.782	-	-	-	2.157.107.782
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20.000.000	-	-	-	20.000.000
	8.393.160.325	-	-	-	8.393.160.325

22.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

23. Thuyết minh bổ sung về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm các khoản ứng trước cho khách hàng và tạm ứng cho cán bộ nhân viên). Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

1. Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

3. Các khoản phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

4. Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

1. Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

1. Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
2. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý;
3. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch;
4. Các khoản mục khác được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. Thuyết minh bổ sung thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

	GIÁ TRỊ GHI SỔ		GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	GIÁ GỐC VND	DỰ PHÒNG VND	GIÁ GỐC VND	DỰ PHÒNG VND
Tài sản tài chính				
Cổ phiếu niêm yết	9.321.392.296	(183.104.449)	-	9.687.060.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	3.324.500.000	(929.243.500)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	8.400.000.000	-
Chứng chỉ quỹ niêm yết	54.067.961.563	-	27.012.904.940	-
Chứng chỉ tiền gửi	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	13.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác	21.634.340.661	-	10.312.561.764	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.347.082.329	-	35.796.036.116	-
Tổng cộng	162.370.776.849	(183.104.449)	95.846.002.820	(929.243.500)
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.107.860.936	-	2.157.107.782	-
Tổng cộng	7.107.860.936	-	2.157.107.782	-

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Đến 1 năm	2.076.498.060	2.024.880.000
Từ 1 đến 5 năm	8.374.816.320	8.099.520.000
Trên 5 năm	14.655.928.560	16.199.040.000
Tổng cộng	25.107.242.940	26.323.440.000

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

26. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Trần Ngọc Mai

Kế toán

Người phê duyệt



Bà Mai Huyền Ngọc

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc



Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI - SSIAM

Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84-24) 3 936 6321

Fax: (+84-24) 3 936 6337

Email: ssiam@ssi.com.vn

Website: <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>